TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12/5/2021
" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Luật;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;
Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1991

Trú tại: Khóm C, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bảo Y**, sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khóm C, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Hiện nay: Đang xuất khẩu lao động, làm việc tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Ngày 05/3/2015, anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị Bảo Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo cuộc sống gia đình. Đến tháng 7/2016 chị Y đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời điểm này hai vợ chồng thường xuyên bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai ít liên lạc, không quan tâm đến nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt.

Vì vậy, anh Phạm Văn H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung là cháu Phạm Ánh T, sinh ngày 16/9/2015. Nếu Ly hôn thì anh H có nguyện vọng giao cháu T cho chị Nguyễn Thị Bảo Y chăm sóc, nuôi dưỡng (hiện nay cháu T đang sinh sống với ông bà ngoại tại thôn Đ, xã Kim Th, huyện V, tỉnh Quảng Trị). Hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đến tuổi thành niên.

Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021, anh H đã thay đổi ý kiến, anh H có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Ánh T và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo Y cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bảo Y không có ý kiến trình bày gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 11/3/2021, bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Bảo Y), trú tại: Thôn Đ, xã Kim Th, huyện V, tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

Sau khi hai cháu Hải, Yến kết hôn được hơn 1 năm, thì đến năm 2016 cháu Y làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Việc anh Phạm Văn H xin ly hôn cháu Y thì gia đình không có ý kiến gì, hai vợ chồng tự quyết định. Gia đình bà H đã nhận được Thông báo số 01/TB-TLVA ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa anh H với cháu Y. Gia đình đã gọi điện thoại và thông báo cho cháu Y biết việc anh H có đơn xin ly hôn thì cháu Y đồng ý ly hôn vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Về con chung: Anh H có nguyện vọng giao cháu T cho chị Nguyễn Thị Bảo Y chăm sóc, nuôi dưỡng (hiện nay cháu T đang sinh sống với ông bà ngoại). Hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đến tuổi thành niên, thì gia đình bà Huyền và chị Y đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và mức cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng; do chị Y đang làm việc ở Nhật Bản, nên bà H cam kết nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T cho đến khi chị Y trở về Việt Nam.

Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị Bảo Y tại Nhật Bản, nhưng chị Y và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại hoặc qua Facebook.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H với chị Nguyễn Thị Bảo Y là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì chị Nguyễn Thị Bảo Y đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó cả hai không sống chung và ít liên lạc với nhau trong một thời gian dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; chị Nguyễn Thị Bảo Y hiện đang sinh sống tại Nhật Bản nên tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y.

Về con chung: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021, anh H có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Ánh T và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo Y cấp dưỡng nuôi con, nên cần giao cháu Phạm Ánh T, sinh ngày 16/9/2015 cho anh Phạm Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, vì chị Y đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc con được. Anh Phạm Văn H không có yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Khi anh Phạm Văn H nộp đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y, thì chị Y đang lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn và gia đình chị Y không cung cấp được địa chỉ của chị Y tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của chị Y vẫn thường xuyên liên lạc với chị Y qua điện thoại hoặc qua Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho mẹ của chị Y thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; gia đình cam đoan thông báo các văn bản tố tụng cho chị Y biết, nhưng chị Y không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Bảo Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt nguyên đơn anh H và bị đơn chị Y.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị Bảo Y là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn, anh H cho rằng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau và không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua gia đình của chị Y cung cấp thông tin thì chị Y cũng đồng ý ly hôn anh H. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Y đã phát sinh mâu thuẫn và hai người ít quan tâm, liên lạc với nhau. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y.

[2.2] Về con chung:

Anh H và chị Y có 01 con chung là cháu Phạm Ánh T, sinh ngày 16/9/2015, ly hôn anh H có nguyện vọng giao cháu T cho chị Nguyễn Thị Bảo Y chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đến tuổi thành niên. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021, anh H có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Ánh T và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bảo Y cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của cháu Phạm Ánh T, hiện tại chị Y đang xuất khẩu lao động ở nước Nhật Bản nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T. Trong khi đó, anh H có đầy đủ điều kiện và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Phạm Ánh T, sinh ngày 16/9/2015 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh H không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ánh T, sinh ngày 16/9/2015 cho anh Phạm Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Bảo Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bảo Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000792 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Phạm Văn H đã nộp đủ án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; chị Nguyễn Thị Bảo Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- UBND TT L;
- UBND xã Kim Th, huyện V;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Luật